

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI VỀ CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ THUỶ SẢN

Hà Quang Tuyến

Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thuỷ sản

Bảng phân ngành kinh tế quốc dân ban hành theo Nghị định số 75/CP ngày 27/10/1993 của Chính phủ đã đưa ngành thuỷ sản từ ngành kinh tế cấp III lên ngành kinh tế cấp I. Những năm gần đây Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách đầu tư phát triển kinh tế vùng biển Đông, ban hành Pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, xây dựng và cải tạo nhiều cảng cá, bến cá, khuyến khích ngư dân phát triển đánh bắt xa bờ bằng cho vay vốn ưu đãi để đóng mới và cải hoán tàu, thuyền đánh cá có công suất từ 90 CV trở lên, v.v... nên sản xuất thuỷ sản đã có bước phát triển nhanh và phong phú đa dạng. Kết quả sản xuất của ngành Thuỷ sản tăng trưởng khá theo cả 2 chỉ tiêu giá trị sản xuất (giá cố định 1994) và tổng sản lượng: năm 1996 đạt 15369 tỷ đồng và 1 701 nghìn tấn, đến năm 2003 đạt 30570 tỷ đồng và 2850 nghìn tấn, gấp 2 lần về giá trị. Giá trị thuỷ sản xuất khẩu năm 2003 đạt 2,3 tỷ USD.

Chế độ báo cáo thống kê thuỷ sản ban hành theo Quyết định số 657/2002/QĐ - TCTK ngày 2/10/2002 của Tổng cục Thống kê, trong thời gian qua đã từng bước đáp ứng được yêu cầu thông tin của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, hiện nay một số vấn đề về thống kê thuỷ sản không còn phù hợp với thực tế phát triển của ngành thuỷ sản cần được nghiên cứu trao đổi để hoàn thiện.

1. Thống kê diện tích nuôi trồng thuỷ sản

Thực tế thu thập thông tin thống kê ở các địa phương hiện đang có hai vấn đề đặt ra là:

(1) Diện tích nuôi trồng thuỷ sản bao gồm nhiều loại khác nhau: diện tích chuyên nuôi trồng thuỷ sản có thể cho thu hoạch 2 vụ mỗi năm, diện tích nuôi luân canh 1 vụ lúa + 1 vụ tôm (cá), diện tích nuôi xen canh tôm (cá) + lúa hoặc rừng lâm nghiệp ngập nước. Các loại diện tích trên phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung. Theo qui định của chế độ thống kê thuỷ sản hiện hành thì mỗi năm được tính một lần diện tích nuôi trồng thuỷ sản (như diện tích đất canh tác) không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Đó là chưa phản ánh được qui mô phát triển về diện tích nuôi trồng thuỷ sản vì nhiều diện tích trước đây chỉ nuôi một vụ trong năm nay đã có thể nuôi hai vụ; chưa đồng nhất với phạm vi tính năng suất thuỷ sản trên một đơn vị diện tích nuôi trồng thuỷ sản của các loại diện tích trên. Theo chúng tôi để khắc phục được những bất cập trên nên qui định mỗi vụ thu hoạch sản phẩm được tính một lần diện tích nuôi trồng thuỷ sản.

(2) Đối với diện tích nuôi tôm công nghiệp, diện tích mặt nước thực nuôi chỉ

chiếm 60 - 70% diện tích qui hoạch cho vùng nuôi tôm. Phần diện tích còn lại là các công trình phụ trợ: trạm bơm nước vào kênh, kênh dẫn nước vào, các ao lắng, kênh dẫn nước ra, bờ bao vừa là đường đi có bề mặt tương đối rộng 3 - 4 mét, lán trại, cơ sở chế biến thức ăn, cụm điện hạ thế, v.v... Hiện nay, Tổng cục Thống kê qui định tính diện tích nuôi trồng thủy sản bao gồm cả bờ bao, ao lắng lọc; ngành Thủy sản qui định tính toàn bộ diện tích qui hoạch cho vùng nuôi tôm công nghiệp. Do qui định phạm vi tính diện tích của hai ngành có khác nhau nên số liệu diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2003, của Tổng cục Thống kê là 86 vạn ha, của Bộ Thủy sản là 1 triệu ha chênh nhau 14 vạn ha. Theo chúng tôi, qui định của ngành Thủy sản là quá rộng, tính cả những diện tích không liên quan trực tiếp đến nuôi trồng thủy sản (diện tích xây dựng cụm điện hạ thế, làm lán trại, cơ sở chế biến thức ăn...); qui định của Tổng cục Thống kê thì còn một bộ phận liên quan trực tiếp đến nuôi trồng thủy sản chưa được tính (kênh dẫn nước vào ao nuôi, kênh dẫn nước từ ao nuôi ra,...).

2. Thống kê sản lượng sản phẩm thủy sản

Chế độ thống kê sản lượng sản phẩm thủy sản hiện nay chủ yếu theo phân tổ: cá, tôm, thủy sản khác. Trong khi ngành thủy sản phát triển đa dạng phong phú, các loại sản phẩm thủy sản ngày càng nhiều với các phẩm cấp và chất lượng rất khác nhau không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa mà còn đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra thị trường thế giới. Trong các nhóm sản phẩm thủy sản bao gồm những loại có giá trị chênh lệch nhau rất lớn; riêng nhóm thủy sản khác giá trị chênh lệch càng lớn hơn, ví dụ: mực, cua, ghẹ, yến sào, sò huyết, ngọc

traí,... xếp cùng nhóm với ốc, hến, ngao, rau câu, tảo,... Việc phân tổ trên gặp khó khăn cho việc áp giá tính toán giá trị sản xuất thủy sản. Theo chúng tôi, cần phân tổ sản phẩm thủy sản chi tiết hơn: trong nhóm cá phân ra một số loại chính (cá tra, ba sa, cá rô phi, cá chim trắng, cá thu, cá ngừ,... khác), nhóm tôm phân ra một số loại (tôm hùm, tôm sú, tôm càng xanh,... khác), nhóm thủy sản khác phân ra một số loại có giá trị cao, còn lại gộp theo nhóm (mực; cua, ghẹ; sò huyết; yến sào; ngọc trai; nhuyễn thể và thủy sản khác).

3. Phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh

Phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh số 138/TCTK – NN ngày 20/3/1996, thời gian qua đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu thu thập thông tin về điều kiện sản xuất cơ bản của ngành thủy sản và điều tra chọn mẫu suy rộng sản lượng sản phẩm thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác ở mỗi địa phương và trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, đến nay có một số vấn đề dưới đây không còn phù hợp với thực tế phát triển nhanh và đa dạng phong phú của ngành thủy sản.

(1) Đây là phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh chung cho cả nuôi trồng và khai thác thủy sản. Cùng với các chủ trương, chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước, hai lĩnh vực sản xuất thủy sản chủ yếu đều phát triển khá. Trong nuôi trồng thủy sản phát triển đa dạng các hình thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh, quảng canh cải tiến,...); đối tượng nuôi (cá, tôm, các loài giáp xác, nhuyễn thể,...) và các loại mặt nước (ngọt, mặn, lợ) trên nhiều loại mặt bằng diện tích nuôi (chuyên canh, xen canh, luân canh,...) và nuôi thủy sản lồng bè phát triển mạnh. Đối với khai thác thủy sản, địa

bàn khai thác phát triển (xa bờ, dỡ khơi dỡ lộng,...); kết hợp khai thác đa ngành, đa nghề với nhiều loại tàu, thuyền và ngư lưới cụ đa dạng, v.v... Vì vậy, cần nghiên cứu xây dựng phương án điều tra nuôi trồng thủy sản và phương án điều tra khai thác thủy sản riêng biệt tạo điều kiện thu thập thông tin của từng lĩnh vực được chi tiết hơn.

(2) Phương án hiện hành qui định điều tra trên phạm vi cả nước, lấy huyện, thị xã, thành phố để phân vùng chọn xã đại diện, như vậy tất cả cấp huyện đều phải điều tra thủy sản ngoài quốc doanh. Số liệu năm 2003, sản lượng thủy sản của một nửa số tỉnh (bao gồm các tỉnh miền núi và Tây nguyên) chỉ chiếm 4% tổng sản lượng thủy sản cả nước. Vì vậy, nếu qui định mẫu điều tra như hiện nay sẽ rất dàn trải chưa tập trung mẫu cũng như kinh phí điều tra cho những vùng có sản xuất thủy sản nhiều. Để khắc phục tồn tại trên, về phân vùng chọn mẫu: đơn vị phân vùng chọn mẫu các tỉnh đồng bằng và ven biển là huyện; với các tỉnh miền núi và Tây Nguyên có thể là một số huyện hoặc toàn tỉnh - tùy thuộc vào điều kiện và thực tế sản xuất thủy sản ở địa phương.

(3) Về thời điểm điều tra: hiện nay qui định 1 năm điều tra một lần vào 31/12 hàng

năm. Với thời điểm này thì kết quả điều tra thủy sản ngoài quốc doanh chỉ có ý nghĩa phục vụ làm báo cáo chính thức năm trong khi các kỳ báo cáo ước tính quý, 6 tháng và năm chủ yếu các Cục Thống kê thu thập số liệu qua ngành Thủy sản. Vì vậy, một số tỉnh đã tổ chức điều tra thủy sản ngoài quốc doanh vào thời điểm 1/10 hàng năm để có thông tin báo cáo ước tính tình hình kinh tế - xã hội năm phục vụ cho địa phương thường yêu cầu vào cuối tháng 11.

Về mùa vụ, nuôi trồng thủy sản hiện nay cơ bản hình thành 2 vụ rõ rệt, khai thác chủ yếu cũng có 2 mùa cá nam và cá bắc. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê đề nghị trong thời gian tới tiến hành tổ chức điều tra nuôi trồng và khai thác thủy sản ngoài quốc doanh mỗi năm 2 kỳ.

Trên đây là một số vấn đề liên quan đến chế độ thống kê thủy sản đang còn có những bất cập với tình hình thực tế và qui định phạm vi, phương pháp tính của một số chỉ tiêu giữa các ngành rất khác nhau. Đề nghị trong thời gian tới cần có một đề tài khoa học nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề này để bổ sung, hoàn thiện chế độ thống kê thủy sản ■